

Số: 13 /2026/BC-VDN

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 01 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2025**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG**
- Địa chỉ trụ sở chính: 25 Trần Quý Cáp, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: 0236.3823725 Fax: 0236.3823367
- Vốn điều lệ: 32.989.100.000 đồng
- Mã chứng khoán: VDN
- Mô hình quản trị công ty:
  - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (Bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                  |
|-----|--------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 01  | 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ         | 19/06/2025 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 CTCP Vinatex Đà Nẵng |

**II. Hội đồng quản trị năm 2025**

**1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị**

| STT | Thành viên HĐQT      | Chức vụ                                | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập |                 |
|-----|----------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                      |                                        | Ngày bổ nhiệm                                          | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông Phạm Phú Cường   | Chủ tịch HĐQT                          | 19/06/2025                                             |                 |
| 2   | Ông Lê Thúc Dung     | Thành viên HĐQT – Không điều hành      | 19/06/2025                                             |                 |
| 3   | Ông Nguyễn Xuân Đông | Thành viên HĐQT – Không điều hành      | 19/06/2025                                             |                 |
| 4   | Ông Hồ Hai           | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc     | 19/06/2025                                             |                 |
| 5   | Ông Đặng Trọng Tâm   | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 19/06/2025                                             |                 |

## 2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên HĐQT      | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Phạm Phú Cường   | 10                       | 100%              |                         |
| 2   | Ông Lê Thúc Dung     | 10                       | 100%              |                         |
| 3   | Ông Nguyễn Xuân Đông | 10                       | 100%              |                         |
| 4   | Ông Hồ Hai           | 10                       | 100%              |                         |
| 5   | Ông Đặng Trọng Tâm   | 10                       | 100%              |                         |

## 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

- Phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực để giám sát cũng như giúp đỡ Tổng Giám đốc trong việc điều hành các hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã tiến hành 10 cuộc họp nhằm đánh giá, nhận xét tình hình SXKD của Công ty, đồng thời đưa ra các nghị quyết, quyết định phù hợp để chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD. Bên cạnh đó, HĐQT cũng giám sát chặt chẽ Ban TGD trong việc tổ chức thực hiện quy trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 đúng quy định do Đại hội năm nay có thêm sự kiện quan trọng là bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030.
- Hoạt động giám sát được các thành viên HĐQT thực hiện theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

## 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Công ty chưa có kế hoạch thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

## 5. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                          | Tỉ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | 01/2025/NQ-HĐQT           | 20/01/2025 | Nghị quyết HĐQT thống nhất thông qua việc ký kết & thực hiện hợp đồng với các bên có liên quan trong năm 2025                                     | 100%            |
| 2   | 02/2025/NQ-HĐQT           | 15/04/2025 | Nghị quyết HĐQT thống nhất thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 nhằm chuẩn bị đầy đủ tài liệu ĐHĐCĐ | 100%            |
| 3   | 03/2025/NQ-HĐQT           | 22/04/2025 | Nghị quyết HĐQT thống nhất thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025                                                                      | 100%            |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                               | Tỉ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 4   | 04/2025/NQ-HĐQT              | 14/05/2025 | Nghị quyết HĐQT về việc bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc CTCP Vinatex Đà Nẵng nhiệm kỳ mới                                                                                   | 100%                  |
| 5   | 05/2025/NQ-HĐQT              | 22/05/2025 | Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 sang ngày 19/06/2025 để thuận tiện hơn cho việc tổ chức, sắp xếp nhân sự tại Đại hội | 100%                  |
| 6   | 06/2025/NQ-HĐQT              | 19/06/2025 | Nghị quyết HĐQT về việc bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025 – 2030                                                                                                         | 100%                  |
| 7   | 07/2025/NQ-HĐQT              | 07/07/2025 | Nghị quyết HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2024                                                                                                                        | 100%                  |
| 8   | 08/2025/NQ-HĐQT              | 27/10/2025 | Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi con dấu Công ty và chi nhánh                                                                                                          | 100%                  |
| 9   | 09/2025/NQ-HĐQT              | 24/11/2025 | Nghị quyết HĐQT về việc thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại CTCP May Vinatex Nghĩa Hành                                                                      | 100%                  |
| 10  | 10/2025/NQ-HĐQT              | 24/12/2025 | Nghị quyết HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến bằng văn bản                                                                                              | 100%                  |

### III. Ban kiểm soát năm 2025

#### 1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát

| STT | Thành viên<br>Ban Kiểm soát | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không<br>còn là thành viên BKS | Trình độ<br>chuyên môn       |
|-----|-----------------------------|------------|---------------------------------------------|------------------------------|
| 1   | Ông Huỳnh Tấn Long          | Trưởng BKS | Tái bổ nhiệm ngày<br>19/06/2025             | Cử nhân Kinh tế              |
| 2   | Ông Lương Chương            | TV BKS     | Tái bổ nhiệm ngày<br>19/06/2025             | Cử nhân Tài<br>chính Kế toán |
| 3   | Ông Nguyễn Thăng Long       | TV BKS     | Tái bổ nhiệm ngày<br>19/06/2025             | Cử nhân Kế toán              |

#### 2. Cuộc họp của Ban kiểm soát

| STT | Thành viên<br>Ban Kiểm soát | Số buổi<br>họp tham<br>dự | Tỉ lệ tham<br>dự họp | Tỷ lệ biểu<br>quyết | Lý do không<br>tham dự họp |
|-----|-----------------------------|---------------------------|----------------------|---------------------|----------------------------|
| 1   | Ông Huỳnh Tấn Long          | 02                        | 100%                 | 100%                |                            |

|   |                       |    |      |      |  |
|---|-----------------------|----|------|------|--|
| 2 | Ông Lương Chương      | 01 | 100% | 100% |  |
| 3 | Ông Nguyễn Thăng Long | 01 | 100% | 100% |  |

### 3. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Trên cơ sở nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết HĐQT, Ban Kiểm soát thường xuyên giám sát kết quả thực hiện so với nghị quyết đề ra.

### 4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trong hoạt động SXKD của Công ty, Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với các bộ phận có liên quan, tham đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Công ty.

### 5. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát (nếu có):

Không.

## IV. Ban điều hành:

| STT | Thành viên Ban điều hành                    | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn   | Ngày bổ nhiệm thành viên BĐH |
|-----|---------------------------------------------|---------------------|-----------------------|------------------------------|
| 1   | Ông Hồ Hai<br>(Tổng Giám đốc)               | 01/01/1970          | Thạc sĩ QTKD          | 15/05/2025                   |
| 2   | Ông Đặng Trọng Tâm<br>(Phó Tổng Giám đốc)   | 16/11/1970          | Cao đẳng Kỹ thuật may | 11/01/2016                   |
| 3   | Ông Văn Hữu Thành<br>(Phó Tổng Giám đốc)    | 01/01/1963          | Cử nhân TCKT          | 18/12/2023                   |
| 4   | Ông Phạm Vũ Bằng<br>(Giám đốc điều hành)    | 20/05/1972          | Cử nhân QTKD          | 06/01/2020                   |
| 5   | Ông Nguyễn Thành An<br>(Giám đốc điều hành) | 06/08/1980          | Cử nhân Kinh tế       | 11/01/2016                   |

## V. Kế toán trưởng:

| Họ và tên           | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|---------------------|-------------------------------|---------------|
| Bà Lê Đình Bích Hợp | 11/07/1972          | Cử nhân TCKT                  | 15/05/2014    |

## VI. Đào tạo về quản trị Công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

- Các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Thư ký HĐQT và các bộ phận liên quan đều thường xuyên cập nhật các quy định mới về quản trị công ty.

## VII. Danh sách về người có liên quan của Công ty đại chúng năm 2025 và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty

### 1. Danh sách về người có liên quan của Công ty

Theo danh sách đính kèm tại: *Phụ lục I. Danh sách về người có liên quan của Công ty*

### 2. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| TT | Tên tổ chức/cá nhân               | Mối liên hệ liên quan với Công ty | Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp                                                     | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ                               | Thời điểm giao dịch với Công ty | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch                        | Ghi chú                                                 |
|----|-----------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1  | Công ty CP may Vinatex Nghĩa Hành | Công ty con                       | Giấy CNĐKDN số 4300819830, do Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 05/07/2018 | Cụm công nghiệp Đồng Dinh, TT. Chợ Chùa, H. Nghĩa Hành, Quảng Ngãi | Từ tháng 01/2025 đến 06/2025    | Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025                                    | - Bán hàng: 11.116.585.960 đồng<br>- Mua hàng: 5.924.595.922 đồng | Gia công hàng may mặc                                   |
| 2  | Tổng Công ty Dệt may Miền Nam     | NCLQ đến Chủ tịch HĐQT            | Giấy CNĐKDN số 0313767685, do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp lần đầu ngày 21/04/2016         | Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh      | Từ tháng 01/2025 đến 06/2025    | Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025                                    | Bán hàng: 13.113.975.420 đồng                                     | Gia công hàng may mặc                                   |
| 3  | Ông Phạm Thanh Hùng               | NCLQ đến Chủ tịch HĐQT            |                                                                                    |                                                                    | Tháng 11/2025                   | Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 24/11/2025                                    | Mua: 50.000 cổ phiếu<br>Tổng giá trị: 500.000.000 đồng            | Nhận chuyển nhượng cổ phiếu CTCP May Vinatex Nghĩa Hành |

### 3. Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát

| STT | Người thực hiện | Quan hệ với | Chức vụ tại CTNY | Số CMND/Hộ chiếu, | Địa chỉ | Tên Công ty con, công ty do | Thời điểm | Nội dung, số lượng, tổng giá | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------------|------------------|-------------------|---------|-----------------------------|-----------|------------------------------|---------|
|-----|-----------------|-------------|------------------|-------------------|---------|-----------------------------|-----------|------------------------------|---------|

|   | giao dịch | người nội bộ |  | ngày cấp, nơi cấp |  | CTNY nắm quyền kiểm soát | giao dịch | trị giao dịch |  |
|---|-----------|--------------|--|-------------------|--|--------------------------|-----------|---------------|--|
| 1 |           |              |  |                   |  |                          |           |               |  |

Không có.

#### 4. Giao dịch giữa Công ty với đối tượng khác

4.1 Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời hạn 03 năm trở lại đây (*tính tại thời điểm lập báo cáo*): Không có

4.2 Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có

4.3 Các giao dịch khác của Công ty (*nếu có*) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: Không có

### VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ năm 2025

#### 1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Theo danh sách đính kèm tại Phụ lục II. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

#### 2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ                      | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...) |
|-----|---------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|-----------------------------------------------------|
|     |                           |                                               | Số CP                     | Tỉ lệ | Số CP                      | Tỉ lệ |                                                     |
| 1   | Nguyễn Xuân Đông          | Là người nội bộ (TV HĐQT)                     | 245.925                   | 7,45% | 0                          | 0%    | Cơ cấu danh mục đầu tư                              |
| 2   | CTCP Len Hà Đông          | Tổ chức có liên quan với ông Nguyễn Xuân Đông | 0                         | 0%    | 245.925                    | 7,45% | Tăng tỷ lệ sở hữu tại VDN                           |

Không có.

### IX. Các vấn đề cần lưu ý khác

Không.

\* Nơi nhận:

- UBCKNN; SGDCK HN;
- HĐQT, BKS (báo cáo);
- Lưu VT, TK.



**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc**

**HỒ HAI**

**Phụ lục I. Danh sách về người có liên quan của Công ty**

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp                                                    | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ                                                            | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do                             | Mối quan hệ liên quan với Công ty        |
|-----|----------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------|
| 1   | Tập đoàn Dệt may Việt Nam              |                                          |                              | Giấy CNĐKDN số 0100100008, do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2010         | 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội                                                          | Cổ đông sáng lập                        |                                           |                                   | Cổ đông nhà nước sở hữu cổ phần trên 10% |
| 2   | Công ty Cổ phần 4M                     |                                          |                              | Giấy CNĐKDN số 0312575412 do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp lần đầu ngày 05/12/2013         | Tòa nhà M-Building, Số 09 Đường số 8, Khu A, Đô Thị Mới Nam Thành Phố, P. Tân Phú, Q. 7, TP.HCM | 27/05/2019                              |                                           | Trở thành cổ đông lớn trên 10% CP | Cổ đông sở hữu cổ phần trên 10%          |
| 3   | Lê Thúc Đức                            |                                          |                              |                                                                                   |                                                                                                 | 10/09/2014                              |                                           | Trở thành cổ đông lớn trên 10% CP | Cổ đông sở hữu cổ phần trên 10%          |
| 4   | Công ty Cổ phần May Vinatex Nghĩa Hành |                                          |                              | Giấy CNĐKDN số 4300819830 do Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 05/07/2018 | Cụm công nghiệp Đồng Dinh, Thị Trấn Chợ Chùa, Huyện Nghĩa Hành, Quảng Ngãi                      | 05/07/2018                              |                                           | Thành lập công ty con             | Công ty con                              |
| 5   | Phạm Phú Cường                         |                                          | Chủ tịch HĐQT                |                                                                                   |                                                                                                 | 19/06/2025                              |                                           | Bầu nhiệm kỳ 2025 - 2030          | Người nội bộ                             |
| 6   | Hồ Hai                                 |                                          | TV HĐQT/ TGĐ                 |                                                                                   |                                                                                                 | 15/05/2025                              |                                           | Tái bổ nhiệm TGĐ                  | Người nội bộ                             |
| 7   | Đặng Trọng Tâm                         |                                          | TV HĐQT/ Phó TGĐ             |                                                                                   |                                                                                                 | 11/01/2016                              |                                           | Bổ nhiệm Phó TGĐ                  | Người nội bộ                             |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm chấm dứt là người có liên quan | Lý do                    | Mối quan hệ liên quan với Công ty |
|-----|---------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|
| 8   | Nguyễn Xuân Đồng    |                                          | TV HĐQT                      |                                |                                      | 19/06/2025                              |                                          | Bầu nhiệm kỳ 2025 - 2030 | Người nội bộ                      |
| 9   | Lê Thúc Dung        |                                          | TV HĐQT                      |                                |                                      | 19/06/2025                              |                                          | Bầu nhiệm kỳ 2025 - 2030 | Người nội bộ                      |
| 10  | Huỳnh Tấn Long      |                                          | Trưởng BKS                   |                                |                                      | 19/06/2025                              |                                          | Bầu nhiệm kỳ 2025 - 2030 | Người nội bộ                      |
| 11  | Lương Chương        |                                          | Thành viên BKS               |                                |                                      | 19/06/2025                              |                                          | Bầu nhiệm kỳ 2025 - 2030 | Người nội bộ                      |
| 12  | Nguyễn Thăng Long   |                                          | Thành viên BKS               |                                |                                      | 19/06/2025                              |                                          | Bầu nhiệm kỳ 2025 - 2030 | Người nội bộ                      |
| 13  | Văn Hữu Thành       |                                          | Phó TGĐ                      |                                |                                      | 18/12/2023                              |                                          | Bổ nhiệm Phó TGĐ         | Người nội bộ                      |
| 14  | Phạm Vũ Bằng        |                                          | GĐĐH/Người Phụ trách QTCT    |                                |                                      | 06/01/2020                              |                                          | Bổ nhiệm GĐĐH            | Người nội bộ                      |
| 15  | Nguyễn Thành An     |                                          | GĐĐH                         |                                |                                      | 11/01/2016                              |                                          | Bổ nhiệm GĐĐH            | Người nội bộ                      |
| 16  | Lê Đình Bích Hợp    |                                          | KTT                          |                                |                                      | 15/05/2014                              |                                          | Bổ nhiệm KTT             | Người nội bộ                      |

11/11/2024

**Phụ lục II. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

| STT      | Tên tổ chức/cá nhân           | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú                          |
|----------|-------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Phạm Phú Cường</b>         |                                          | <b>Chủ tịch HĐQT</b>         |                                     |                 | <b>0</b>                   | <b>0%</b>                     |                                  |
| 1.1      | Phạm Thương                   |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Cha ruột (Mất)                   |
| 1.2      | Huỳnh Thị Nhung               |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Mẹ ruột                          |
| 1.3      | Nguyễn Thị Hồng Quế           |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Vợ                               |
| 1.4      | Phạm Quốc Bảo                 |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Con ruột                         |
| 1.5      | Phạm Nguyễn Thái An           |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Con ruột                         |
| 1.6      | Phạm Thanh Hùng               |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Anh ruột                         |
| 1.7      | Phạm Thanh Vũ                 |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Em ruột                          |
| 1.8      | Phạm Thị Thanh Trang          |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Em ruột                          |
| 1.9      | Phạm Thị Thanh Nhân           |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Em ruột                          |
| 1.10     | Tổng Công ty CP May Nhà Bè    |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Tổ chức có LQ – CT HĐQT          |
| 1.11     | Tổng Công ty Dệt may Miền Nam |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Tổ chức có LQ – CT HĐQT          |
| 1.12     | Tập đoàn Dệt may Việt Nam     |                                          |                              |                                     |                 | 900.000                    | 27,28%                        | Đại diện vốn 585.709 cp (17,75%) |
| <b>2</b> | <b>Lê Thúc Dung</b>           |                                          | <b>TV HĐQT</b>               |                                     |                 | <b>0</b>                   | <b>0%</b>                     |                                  |
| 2.01     | Lê Thúc Hóa                   |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Cha ruột (Mất)                   |
| 2.02     | Phạm Thị Hòa                  |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Mẹ ruột (Mất)                    |
| 2.03     | Đoàn Văn Hai                  |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Cha vợ (Mất)                     |
| 2.04     | Phạm Thị Ngọc Liên            |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Mẹ vợ                            |
| 2.05     | Đoàn Ngọc Ánh                 |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Vợ                               |
| 2.06     | Lê Vy                         |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Con ruột                         |
| 2.07     | Lê Xuân                       |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Con ruột (Còn nhỏ)               |
| 2.08     | Lê Ngọc Ánh Duyên             |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Con ruột (Còn nhỏ)               |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(nếu có) | Số CCCD/Hộ<br>chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỉ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi chú                                   |
|------|---------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|
| 2.09 | Lê Thúc Trung Dũng  |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Con ruột<br>(Còn nhỏ)                     |
| 2.10 | Lê Thúc Hải Duy     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Con ruột<br>(Còn nhỏ)                     |
| 2.11 | Lê Thị Quỳnh Hoa    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị ruột                                  |
| 2.12 | Võ Minh Cảnh        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh rể                                    |
| 2.13 | Lê Thúc Hoài        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em ruột                                   |
| 2.14 | Võ Minh Nguyệt      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em dâu                                    |
| 2.15 | Lê Thị Quỳnh Nga    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em ruột                                   |
| 2.16 | Chung Văn Đạt       |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em rể                                     |
| 2.17 | Lê Thúc Đức         |                                                   |                                    |                                           |                 | 489.910                             | 14,85%                                 | Em ruột                                   |
| 2.18 | Nguyễn Thị Mai Trúc |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em dâu                                    |
| 2.19 | Công ty CP 4M       |                                                   |                                    |                                           |                 | 717.865                             | 21,76%                                 | Tổ chức có LQ –<br>CT HĐQT                |
| 3    | Nguyễn Xuân Đông    |                                                   | TV HĐQT                            |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     |                                           |
| 3.01 | Nguyễn Xuân Bình    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Cha ruột                                  |
| 3.02 | Ngô Thị Thân        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Mẹ ruột                                   |
| 3.03 | Trần Hương Nga      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Vợ                                        |
| 3.04 | Nguyễn Nhật Hà      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Con ruột<br>(Không cung cấp<br>thông tin) |
| 3.05 | Nguyễn Trần Xuân An |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Con ruột<br>(Không cung cấp<br>thông tin) |
| 3.06 | Nguyễn An Hà Anh    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Con ruột<br>(Không cung cấp<br>thông tin) |

| STT      | Tên tổ chức/cá nhân               | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(nếu có) | Số CCCD/Hộ<br>chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỉ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi chú                               |
|----------|-----------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------|
| 3.07     | Công ty CP Len Hà<br>Đông         |                                                   |                                    |                                           |                 | 245.925                                         | 7,45%                                  | Tổ chức có LQ –<br>CT HĐQT            |
| 3.08     | Tổng Công ty CP May<br>Nhà Bè     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Tổ chức có LQ –<br>TV HĐQT            |
| 3.09     | Tập đoàn dệt may Việt<br>Nam      |                                                   |                                    |                                           |                 | 900.000                                         | 27,28%                                 | Tổ chức có LQ –<br>TV HĐQT            |
| <b>4</b> | <b>Hồ Hai</b>                     |                                                   | <b>TV HĐQT-<br/>TGD</b>            |                                           |                 | <b>50.000</b>                                   | <b>1,59%</b>                           |                                       |
| 4.01     | Hồ Thơ                            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Cha ruột (Mất)                        |
| 4.02     | Hoàng Thị Gái                     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Mẹ ruột (Mất)                         |
| 4.03     | Nguyễn Ngọc Hiền<br>Thục          |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Vợ                                    |
| 4.04     | Hồ Anh Khoa                       |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Con ruột                              |
| 4.05     | Hồ Anh Thư                        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Con ruột                              |
| 4.06     | Hồ Thị Trường                     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Chị ruột                              |
| 4.07     | Hồ Thị Bình                       |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Em ruột                               |
| 4.08     | Hồ Tá Hải                         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Em ruột                               |
| 4.09     | Hồ Thị Thủy                       |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Em ruột                               |
| 4.10     | Hồ Tá Sơn                         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Em ruột                               |
| 4.11     | Tập đoàn Dệt may Việt<br>Nam      |                                                   |                                    |                                           |                 | 900.000                                         | 27,28%                                 | Đại diện vốn<br>314.291 cp<br>(9,53%) |
| 4.12     | Công ty CP may<br>Vinatex Đức Phổ |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Tổ chức có LQ –<br>TV HĐQT            |
| <b>5</b> | <b>Đặng Trọng Tâm</b>             |                                                   | <b>TV HĐQT<br/>– Phó TGD</b>       |                                           |                 | <b>25.400</b>                                   | <b>0,81%</b>                           |                                       |
| 5.01     | Đặng Văn Lớn                      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Cha ruột (Mất)                        |
| 5.02     | Phan Thị Nhánh                    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Mẹ ruột                               |
| 5.03     | Đặng Trọng Tiên                   |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Anh ruột (Mất)                        |
| 5.04     | Đặng Ngọc Hà                      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Chị ruột                              |
| 5.05     | Đặng Thu Hồng                     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Chị ruột (Mất)                        |

11/5/2024 10:00

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân                  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(nếu có) | Số CCCD/Hộ<br>chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỉ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi chú                                   |
|------|--------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|
| 5.06 | Đặng Ngọc Lệ                         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị ruột                                  |
| 5.07 | Đặng Văn Quang                       |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh ruột                                  |
| 5.08 | Đặng Kim Vinh                        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị ruột                                  |
| 5.09 | Đặng Trọng Trung                     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em ruột                                   |
| 5.10 | Công ty CP May<br>Vinatex Nghĩa Hành |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Tổ chức có LQ –<br>CT HĐQT                |
| 6    | <b>Huỳnh Tấn Long</b>                |                                                   | <b>Trưởng<br/>BKS</b>              |                                           |                 | <b>0</b>                            | <b>0%</b>                              |                                           |
| 6.1  | Huỳnh Văn Cua                        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Cha ruột                                  |
| 6.2  | Nguyễn Thị Thuận                     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Mẹ ruột                                   |
| 6.3  | Huỳnh Văn Ân                         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh ruột                                  |
| 6.4  | Nguyễn T. Thanh Vân                  |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị dâu                                   |
| 6.5  | Huỳnh Văn Hưng                       |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh ruột                                  |
| 6.6  | Nguyễn T. Đỗ Quyên                   |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị dâu (Không<br>cung cấp thông<br>tin)  |
| 6.7  | Huỳnh Tấn Đạo                        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh ruột (Không<br>cung cấp thông<br>tin) |
| 6.8  | Nguyễn T. Thu Lan                    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị dâu (Không<br>cung cấp thông<br>tin)  |
| 6.9  | Huỳnh Tấn Đức                        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh ruột                                  |
| 6.10 | Nguyễn T. Mỹ Nga                     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị dâu                                   |
| 6.11 | Huỳnh Thị Kim Ly                     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em ruột                                   |
| 6.12 | Phạm Văn Hòa                         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em rể                                     |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân       | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(nếu có) | Số CCCD/Hộ<br>chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỉ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi chú                          |
|------|---------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|
| 6.13 | Huỳnh Thị Kim Loan        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em ruột                          |
| 6.14 | Ngô Thị Thanh Thủy        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Vợ                               |
| 6.15 | Huỳnh Ngô Nhật Quang      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Con ruột                         |
| 6.16 | Huỳnh Ngô Nhật Đan        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Con ruột                         |
| 6.17 | Ngô Hoài Thanh            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Bố vợ (Mất)                      |
| 6.18 | Trần T. Kim Hương         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Mẹ vợ                            |
| 6.19 | Ngô Hoài Đức              |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em vợ                            |
| 6.20 | Lê Thị Thanh Tâm          |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em dâu                           |
| 6.21 | Ngô Hoài Bảo              |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em vợ                            |
| 6.22 | Ngô Thị Ngọc Uyên         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em dâu                           |
| 6.23 | Ngô Hoài Ân               |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em vợ                            |
| 6.24 | CTCP Động Lực Việt<br>Nam |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Tổ chức có LQ –<br>Chủ tịch HĐQT |
| 7    | Lương Chương              |                                                   | TV BKS                             |                                           |                 | 35.690                              | 1,14%                                  |                                  |
| 7.1  | Lương Tùng                |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Cha ruột (Mất)                   |
| 7.2  | Lê Thị Phối               |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Mẹ ruột (Mất)                    |
| 7.3  | Trương Văn Phước          |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Cha vợ (mất)                     |
| 7.4  | Nguyễn Thị Óng            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Mẹ vợ (Mất)                      |
| 7.5  | Trương Thị Châu           |                                                   |                                    |                                           |                 | 735                                 | 0,02%                                  | Vợ                               |
| 7.6  | Lương Phát                |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Con ruột                         |
| 7.7  | Lương Gia Ngân            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Con ruột                         |
| 7.8  | Lương Phối                |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh ruột                         |
| 7.9  | Lương Khải Minh           |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh ruột                         |
| 7.10 | Lương Huỳnh               |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh ruột                         |
| 7.11 | Lương Thị Lệ              |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị ruột                         |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(nếu có) | Số CCCD/Hộ<br>chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỉ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi chú                                |
|------|---------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| 7.12 | Lương Bài           |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em ruột                                |
| 7.13 | Lương Em            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em ruột                                |
| 7.14 | Lương Thị Thu       |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em ruột                                |
| 7.15 | Lương Một           |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em ruột                                |
| 7.16 | Nguyễn Thị Thành    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị dâu                                |
| 7.17 | Trần Thị Bồi        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị dâu                                |
| 7.18 | Trần Thị Nhung      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị dâu                                |
| 7.19 | Thái Thị Phước      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em dâu                                 |
| 7.20 | Đoàn Triệu Mai Hoa  |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em dâu                                 |
| 7.21 | Phan Thị Cẩm Kim    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em dâu                                 |
| 7.22 | Trương Thị Long     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị vợ                                 |
| 7.23 | Trương Thị Đua      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị vợ                                 |
| 7.24 | Trương Thị Hoàng    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị vợ                                 |
| 7.25 | Trương Thị Thành    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em vợ (Không<br>cung cấp thông<br>tin) |
| 7.26 | Trương Văn Thiện    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em vợ (Không<br>cung cấp thông<br>tin) |
| 7.27 | Trương Thị Tâm      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em vợ                                  |
| 7.28 | Trương Văn Anh      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em vợ                                  |
| 7.29 | Nguyễn Vĩnh Lạc     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh rể                                 |
| 7.30 | Dương Tỉnh          |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em rể                                  |
| 7.31 | Trương Thị Phụng    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị vợ                                 |
| 8    | Nguyễn Thăng Long   |                                                   | TV BKS                             |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     |                                        |
| 8.1  | Nguyễn Văn Lý       |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Bố ruột                                |
| 8.2  | Phạm Thị Thu        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Mẹ ruột                                |
| 8.3  | Quách Huyền Phương  |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Vợ                                     |
| 8.4  | Nguyễn Việt Khoa    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Con ruột                               |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỉ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú        |
|------|------------------------|------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|----------------|
| 8.5  | Nguyễn Thị Bích Phương |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Em ruột        |
| 8.6  | Quách Văn Cương        |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Bố vợ          |
| 8.7  | Trần Thị Thanh Vân     |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Mẹ vợ          |
| 8.8  | Quách Thành Chương     |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Anh vợ         |
| 9    | <b>Văn Hữu Thành</b>   |                                          | <b>Phó TGĐ</b>               |                                     |                 | <b>34.755</b>              | <b>1,11%</b>                  |                |
| 9.1  | Văn Hữu Đồng           |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Cha ruột (Mất) |
| 9.2  | Nguyễn T. Dung         |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Mẹ ruột        |
| 9.3  | Ngô T. Kim Dung        |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Vợ             |
| 9.4  | Văn T. Thu Trang       |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Con ruột       |
| 9.5  | Văn Hữu Thành Trung    |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Con ruột       |
| 9.6  | Văn Thị Hồng           |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Chị ruột       |
| 9.7  | Văn Thị Đào            |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Chị ruột       |
| 9.8  | Văn Thị Hoa            |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Em ruột        |
| 9.9  | Văn Thị Hương          |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Em ruột        |
| 9.10 | Văn Thị Lựu            |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Em ruột        |
| 9.11 | Ngô Văn Cừ             |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Cha vợ (Mất)   |
| 9.12 | Hà Thị Tỷ              |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Mẹ vợ (Mất)    |
| 9.13 | Ngô Tiến Dũng          |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Anh vợ         |
| 9.14 | Ngô Tiến Đạt           |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Em vợ          |
| 9.15 | Ngô Việt Thắng         |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Em vợ          |
| 10   | <b>Phạm Vũ Bằng</b>    |                                          | <b>GĐBH/<br/>NPTQTCT</b>     |                                     |                 | <b>19.000</b>              | <b>0,60%</b>                  |                |
| 10.1 | Phạm Tấn Dũng          |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Cha ruột       |
| 10.2 | Võ T. Thu Cúc          |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Mẹ ruột (Mất)  |
| 10.3 | Phạm T. Bích Trâm      |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Chị ruột       |
| 10.4 | Phạm T. Kim Thoa       |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Chị ruột       |
| 10.5 | Phạm Vũ Bửu            |                                          |                              |                                     |                 | 0                          | 0%                            | Anh ruột       |

| STT       | Tên tổ chức/cá nhân    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(nếu có) | Số CCCD/Hộ<br>chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi chú            |
|-----------|------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------|
| 10.6      | Phạm Vũ Bảo            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Anh ruột (Mất)     |
| 10.7      | Phạm Vũ Minh           |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Anh ruột           |
| 10.8      | Phan Thị Hồng          |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Vợ                 |
| 10.9      | Võ Ngọc Lam            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Anh rể             |
| 10.10     | Huỳnh Thị Châu         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Chị dâu            |
| 10.11     | Nguyễn T.Kim Xuân      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Chị dâu            |
| 10.12     | Tạ T.Bích Thủy         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Chị dâu            |
| 10.13     | Phan Văn Ty            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Cha vợ (Mất)       |
| 10.14     | Nguyễn Thị Tri         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Mẹ vợ (Mất)        |
| 10.15     | Phan Văn Khuê          |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Anh vợ (Mất)       |
| 10.16     | Phan Văn Túc           |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Anh vợ (Mất)       |
| 10.17     | Phan Văn Dũng          |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Anh vợ (Mất)       |
| 10.18     | Phan Văn Cường         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Anh vợ (Mất)       |
| 10.19     | Phan Văn Hùng          |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Anh vợ             |
| 10.20     | Phan Văn Tài           |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Anh vợ             |
| 10.21     | Phan Văn Mười          |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Em vợ              |
| <b>11</b> | <b>Nguyễn Thành An</b> |                                                   | <b>GDDH</b>                        |                                           |                 | <b>16.100</b>                                   | <b>0,51%</b>                           |                    |
| 11.1      | Võ Thị Dung            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Vợ                 |
| 11.2      | Nguyễn Quỳnh Nhi       |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Con ruột           |
| 11.3      | Nguyễn Vĩnh Khang      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Con ruột (Còn nhỏ) |
| 11.4      | Nguyễn Thanh Gioang    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Cha ruột           |
| 11.5      | Nguyễn Thị Liên        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Mẹ ruột            |
| 11.6      | Nguyễn Thành Tâm       |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                               | 0%                                     | Em ruột            |

| STT   | Tên tổ chức/cá nhân     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(nếu có) | Số CCCD/Hộ<br>chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu số<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỉ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi chú        |
|-------|-------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|----------------|
| 11.7  | Nguyễn Thị Thúy Hằng    |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em dâu         |
| 11.8  | Nguyễn Gia Thụy         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em ruột        |
| 11.9  | Hoàng Thị Ái Vinh       |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em dâu         |
| 11.10 | Nguyễn Thị Mỹ Nhân      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em ruột        |
| 11.11 | Trương Công Thành       |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em rể          |
| 11.12 | Võ Văn Dũng             |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Cha vợ         |
| 11.13 | Võ Thị Nhựt             |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Mẹ vợ          |
| 11.14 | Võ Đình Khâm            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh vợ         |
| 11.15 | Võ Thị Trang            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị vợ         |
| 11.16 | Võ Văn Lợi              |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em vợ          |
| 12    | <b>Lê Đình Bích Hợp</b> |                                                   | <b>Kế toán<br/>trưởng</b>          |                                           |                 | <b>24.090</b>                       | <b>0,77%</b>                           |                |
| 12.1  | Lê Văn Quán             |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chồng          |
| 12.2  | Lê Phương Minh Hiếu     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Con ruột       |
| 12.3  | Lê Phương Hữu Nghĩa     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Con ruột       |
| 12.4  | Lê Phương Bích Hiền     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Con ruột       |
| 12.5  | Lê Đình Cảnh            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Cha ruột (Mất) |
| 12.6  | Lê Huy Thạnh            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Mẹ ruột        |
| 12.7  | Lê Đình Quang           |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh ruột       |
| 12.8  | Phan Thị Phận           |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị dâu        |
| 12.9  | Lê Đình Diệu            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh ruột       |
| 12.10 | Lê Thị Thủy             |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị dâu        |
| 12.11 | Lê Đình Tố Tâm          |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị ruột       |

| STT   | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(nếu có) | Số CCCD/Hộ<br>chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỉ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi chú        |
|-------|---------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|----------------------------------------|----------------|
| 12.12 | Lê Quốc Bảo         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh rể         |
| 12.13 | Lê Đình Quỳnh Giao  |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị ruột       |
| 12.14 | Đặng Hùng Vinh      |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh rể         |
| 12.15 | Lê Đình Như Ý       |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em ruột        |
| 12.16 | TAKAHIKO IEZAKI     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em rể          |
| 12.17 | Lê Đình Như Nguyễn  |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em ruột        |
| 12.18 | Đặng Cu             |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em rể (Mất)    |
| 12.19 | Lê Rương            |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Ba chồng (Mất) |
| 12.20 | Nguyễn Thị Liễu     |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Mẹ chồng (Mất) |
| 12.21 | Lê Văn Duẩn         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Anh chồng      |
| 12.22 | Lê Thị Ngạc         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị chồng      |
| 12.23 | Lê Thị Duyên        |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Chị chồng      |
| 12.24 | Lê Văn Kiệt         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em chồng       |
| 12.25 | Lê Thị Phúc         |                                                   |                                    |                                           |                 | 0                                   | 0%                                     | Em chồng       |